

PHỤ LỤC
THUYẾT MINH NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAHI

STT	ĐIỀU	Quy chế quản trị Công ty hiện hành		Căn cứ
		Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	
1	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	Không quy định	Bổ sung như sau: 4. Quy chế này được áp dụng cho các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Công ty.	
2	Điều 2. Giải thích từ ngữ	2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “Tiểu ban kiểm toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 134 Luật Doanh nghiệp 2014;	Sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau: 1. “ Ủy ban kiểm toán ” có nghĩa là Ủy ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp;	
3		CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ	CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	
4		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 3: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông a. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản. b. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông chỉ có giá trị khi được các Cổ đông hoặc người được ủy quyền thông qua theo quy định tại Điều lệ Công ty. 1. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty; b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần; c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán;	Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 (LDN)

		d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.	Điều 139 LDN
5	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 4: Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau: 1. Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên: Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần do Hội đồng quản trị triệu tập trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. 2. Họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: Đại hội đồng cổ đông bất thường được triệu tập trong một số trường hợp nhất định được quy định tại Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.	Điều 141 LDN
	Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Điều 5. Lập Danh sách cổ đông và thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	

	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.	Bổ sung như sau: 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty và theo quy định tại Điều lệ Công ty. 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.	
6	Điều 4. Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ 1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức đảm bảo, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười lăm (15) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên HĐQT;	Điều 6: Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông Sửa đổi, bổ sung như sau: Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán; c. Phiếu biểu quyết;	Điều 143 LDN

		c. Phiếu biểu quyết; và d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.	d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.		Điều LDN 142
7		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 7: Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông 1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông. 2. Cổ đông có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. 2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.		Điều LDN 145
8		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 9: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.		

			3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.		
9		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 10: Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông - Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: - Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty; - Định hướng phát triển công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể công ty.	Điều 147 LDN	
10	Điều 6. Cách thức bỏ phiếu	Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề	Sửa đổi như sau: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả		

	đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. [...]	<i>kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. [...]</i>	
11	Điều 7: Cách thức kiểm phiếu	Bãi bỏ, Bổ sung như sau: Điều 12: Cách thức kiểm phiếu - Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp; - Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. - Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	Điều 148 LDN
12	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 13: Điều kiện để nghị quyết được thông qua - Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp: - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;	

			b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác; e. Tổ chức lại, giải thể công ty; f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định. 2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp. 3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Điều LDN	150
13		Điều 10. Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ 1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký; và	Điều 16: Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Bổ sung như sau: 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây: i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.		
		2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.		
		5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản		

			(nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.		Điều 149 LDN
14		Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 18: Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản		
		1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty bất kỳ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.	Bổ sung như sau: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.		
		2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp.		
		3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;	Sửa đổi, bổ sung như sau: 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;		

		g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi như sau: g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
	4.	Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.	Bãi bỏ
	5.	Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau: a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; hoặc	Sửa đổi, bổ sung như sau: a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
		Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.	Sửa đổi, bổ sung sau: Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
	Khoản 6		Bãi bỏ
	9.	Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.	Sửa đổi như sau: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
	Khoản 10		Bãi bỏ
15	Không quy định		Bổ sung như sau: CHƯƠNG IIBIS. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẢNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP TUYÊN (BAO GỒM

			TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC CUỘC HỌP VÀ BIỂU QUYẾT) Được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01- Quy chế tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử kèm Quy chế này.	
16		CHƯƠNG III: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Không quy định	CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
17			Bổ sung như sau: Điều 19: Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do Điều lệ công ty và pháp luật quy định. 3. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty. 5. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.	Điều 153 LDN
18	Không quy định		Bổ sung như sau: Điều 20: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có từ 5 đến 9 thành viên. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	Điều 154 LDN

			3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.	
19		Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT 1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp; 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác, nhưng không được đồng thời làm thành viên Hội đồng Quản trị của trên năm (5) công ty niêm yết khác.	Điều 21: Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị Sửa đổi, bổ sung như sau: 1. <i>Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;</i> Sửa đổi, bổ sung như sau: 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm <i>trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh</i> của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; Sửa đổi, bổ sung như sau: 3. <i>Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.</i>	Điều khoản Điều 115 LDN
20		Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị, theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty 1. Các cổ đông năm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông năm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được	Điều 22: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị Sửa đổi, bổ sung như sau: 1. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</i>	Khoản 5 Điều 115 LDN

	đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.	
	Không quy định	Bổ sung như sau: 2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, và các cổ đông khác đề cử.
	2. Trường hợp số lượng ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử; hoặc tổng số ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng dự kiến bầu; hoặc các ứng viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định thì số ứng viên còn lại do Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn <i>không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</i>, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên <i>hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</i>
21	Điều 16: Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị	Bãi bỏ Điều 160 LDN
		Bổ sung như sau: Điều 24. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

24	1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT.	Sửa đổi, bổ sung như sau: 1. Trường hợp đã xác định được ứng viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cần trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.	Điều 10 Thông 116/2020
	Điểm b	Bãi bỏ	
	e.Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;	Sửa đổi như sau: Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);	
	Điểm f	Bãi bỏ	
	g.Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);	Sửa đổi như sau: Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;	
	Điểm h	Bãi bỏ	
	i.Các thông tin khác (nếu có).	Sửa đổi như sau: Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;	
	Không quy định	Bổ sung như sau: a. Thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).	
25	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 27: Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29 Thông 116/2020;

		1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. 3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	Điều LDN 156
26	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 28: Thủ lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. 2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. 3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiêu ban của Hội đồng quản trị. 5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng	Điều LDN 163

			cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.		Điều 157 LDN; Thông tư 116/2020
27		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 29: Cuộc họp Hội đồng quản trị - Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường. - Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: - Có đề nghị của Ủy ban kiểm toán hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; - Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị; - Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định. - Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: - Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty; - Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật; - Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan; - Theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		
28		CHƯƠNG IV: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Bãi bỏ		
29		Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị	Điều 30: Thông báo họp Hội đồng quản trị		Điều 157 LDN

	1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và (trong trường hợp cần thiết, có thể bằng tiếng Anh) và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. 2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.	Sửa đổi, bổ sung như sau: Thông báo mời họp phải được gửi cho các thành viên HĐQT chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.		
30	Khoản 3 Điều 21. Cách thức biểu quyết 1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách là cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết. 2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.	Bãi bỏ Điều 32: Cách thức biểu quyết Sửa đổi như sau: 1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết. Sửa đổi như sau: 2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Điều 153 LDN Điều 47 Thông tư 116/2020	
	Khoản 3	Bãi bỏ		

		Khoản 4	Bãi bỏ	
		5. Thành viên Tiểu ban kiểm toán có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	Sửa đổi như sau: 3. Thành viên <i>Ủy ban kiểm toán</i> có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	
31		Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị 1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phân đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.	Điều 33: Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị Sửa đổi như sau: 1. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì <i>quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</i>	
32		Không quy định	Điều 34: Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	
33		Điều 23. Ghi biên bản họp Hội đồng quản trị Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.	Điều 35. Lập biên bản Hội đồng quản trị Bổ sung, sửa đổi như sau: I. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây: <i>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</i> <i>b. Thời gian, địa điểm họp;</i> <i>c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;</i> <i>d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;</i> <i>e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;</i> <i>f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;</i> <i>g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;</i> <i>h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</i> <i>i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Điều 36.</i>	Điều 158 LDN

			2. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Điều Khoản 2 Điều 158 LDN
34		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 36: Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 35 thì biên bản này có hiệu lực.	
35		CHƯƠNG V: THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG IV: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
36		Điều 25. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị HĐQT thành lập Tiểu Ban Kiểm Toán; Tiểu Ban Tài Chính – Đầu tư; Tiểu Ban Nhân Sự và Phát Triển Nguồn Nhân Lực hoặc các tiểu ban khác trực thuộc HĐQT theo sự chấp thuận của ĐHĐCĐ.	Điều 38: Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị Sửa đổi như sau: Hội đồng quản trị thành lập Tiểu Ban Tài Chính – Đầu tư; Tiểu Ban Nhân Sự và Phát Triển Nguồn Nhân Lực hoặc các tiểu ban khác trực thuộc Hội đồng quản trị theo sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.	
37		Điều 27. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban 1. Thành viên của “Tiểu ban kiểm toán” và “Tiểu Ban Nhân Sự và Phát Triển Nguồn Nhân Lực” bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. [...]	Điều 40: Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban Sửa đổi như sau: 1. Thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán, Tiểu Ban Tài Chính – Đầu tư, Tiểu Ban Nhân Sự và Phát Triển Nguồn Nhân Lực bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [...]	
38		CHƯƠNG VI: TIỂU BAN KIỂM TOÁN	CHƯƠNG V: ỦY BAN KIỂM TOÁN	
39		Các Điều 30, 31, 32, 33	Bãi bỏ	
40		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 43: Các tiêu chuẩn của thành viên Ủy ban Kiểm toán	Thông tư 116/2020/T T-BTC

		1. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau: - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó. 2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.	Điều 161 LDN
41	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 44: Cơ cấu, thành phần của Ủy Ban kiểm toán Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.	Điều 161 LDN
42	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 45: Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền, nghĩa vụ sau: - Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán. - Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán. - Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết. - Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty. - Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người	Điều 161 LDN

			quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua. 7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.	
43		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 46: Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán 1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty. 2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.	Thông tư 116/2020
44		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 47: Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. 2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.	Điều LDN 161
45		CHƯƠNG VII: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH HÀNH DOANH NGHIỆP	CHƯƠNG VI: TỔNG GIÁM ĐỐC	
46		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 48: Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc 1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.	Điều LDN 162

		2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau: a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc; g. Tuyển dụng lao động; h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.		
47	Điều 34	Bãi bỏ		Điều 162 LDN
48	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 49: Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.		
49	Điều 35	Bãi bỏ		
50	Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 50: Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc		

			Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.	
51		Điều 36	Bãi bỏ	
52		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 51: Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc theo hợp đồng lao động trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty	
53		Điều 37	Bãi bỏ	Thông tư 116/2020
54		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 52: Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc 1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự hợp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. 2. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. 3. Tổng giám đốc có thể bị miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.	
55		Điều 38	Bãi bỏ	
56		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 53: Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	
57		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 54: Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc 1. Công ty trả lương, thưởng cho Tổng giám đốc theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. 2. Tiền lương của Tổng giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo	Điều LDN 163

			cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	
58		CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP ĐOẠT ĐỒNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TIỂU BAN KIỂM TOÁN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	CHƯƠNG VII: PHỐI HỢP ĐOẠT ĐỒNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	
59		Điều 39, 41	Bãi bỏ	Thông tư 116/2020
60		Không quy định	Bổ sung như sau: Điều 56. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán 1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	
61		Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty 2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Tiểu ban kiểm toán và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc Tiểu ban kiểm toán; 6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và thành viên Tiểu ban kiểm toán; Không quy định	Điều 60: Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty Sửa đổi như sau: 2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ủy ban kiểm toán; Sửa đổi như sau: 6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ủy ban kiểm toán; Bổ sung như sau: 8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;	Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

----- HẾT -----